

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/DS-ST
Ngày 05-11-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Đoàn Thị Sim

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2020/TLST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2020, về việc “TrA chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2020/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1972

Trú tại: Khóm X, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Bà Bùi Thị U (có mặt); ông Võ Văn K (vắng mặt), bà Võ Thị C (có mặt) và bà Võ Kim A (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm X, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K trình bày: Vào ngày 19/9/2015 ông Võ Văn H và vợ bà Bùi Thị U cùng các con là Võ Văn K, Võ Thị C và bà Võ Kim A có vay của ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.0000 đồng/tháng. Đến ngày 29/6/2017 vợ chồng ông H và bà U cùng các con vay thêm 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Nay, ông H đã chết nên ông L và bà K yêu cầu bà Bùi Thị U cùng các con là Võ Văn K, Võ Thị C và bà Võ Kim A trả số tiền 140.000.000 đồng. Tại phiên tòa,

ông L và bà K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông L và bà K chỉ yêu cầu bà U trả cho ông L và bà K số tiền 50.000.000 đồng (không yêu cầu đối với Võ Văn K, Võ Thị C và bà Võ Kim A). Đối với số tiền 90.000.000 đồng ông L và bà K sẽ khởi kiện sau. Trong quá trình vay bà U đã trả lãi cho ông L và bà K được 12.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị U trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 30.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng, khi bán nhà cho ông L và bà K đã trừ xong nhưng không có gì chứng minh. Nay bà đồng ý trả cho ông L và bà K 20.000.000 đồng. Khi chồng bà chết không để lại tài sản gì để các con bà hưởng thừa kế, nên khoản tiền vay này bà tự chịu trách nhiệm. Tại phiên tòa, bà U cho rằng đã thanh toán xong nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Võ Thị C trình bày: Khi cha bà là ông Võ Văn H chết không để lại tài sản gì để bà thừa kế, nên khoản nợ này bà không có trách nhiệm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Việc ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K khởi kiện là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đối với ông Võ Văn K và bà Võ Kim A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K và bà Kim A theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Ông Trịnh Văn Liễu và bà Huỳnh Thị K khởi kiện được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005.

[3]. Về nội dung: Theo ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K cho rằng: Vào ngày 19/9/2015 bà Bùi Thị U có vay của ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.0000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, ông L và bà K xác định bà U đã thanh toán được 04 tháng lãi từ tháng 9/2015 đến tháng 01/2016 với số tiền 12.000.000 đồng. Đối với bà Bùi Thị U thì cho rằng, bà thừa nhận có vay tiền của ông Trịnh Văn Liễu và bà Huỳnh Thị K số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 30.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng khi bán nhà đã trừ xong. Tuy nhiên, việc bà U trình bày không có gì chứng minh và không được ông L và bà K thừa nhận. Như vậy, có cơ sở xác định bà Bùi Thị U còn nợ số tiền vay của ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K là 50.000.000 đồng.

Về lãi suất hai bên thỏa thuận 3.000.000 đồng/ tháng (tương đương 6%/ tháng) là vượt quá quy định của pháp luật. Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt*

quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Như vậy, thời điểm này lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm (0,75% /tháng) x 150% = 1.125%.

Thời gian vay từ 19/9/2015 đến 19/01/2016 là 04 tháng, số tiền lãi sẽ là:
 $50.000.000 \text{ đồng} \times 1.125\% \times 04 = 2.250.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi đã thanh toán chênh lệch được trừ vào tiền gốc: $12.000.000 \text{ đồng} - 2.250.000 \text{ đồng} = 9.750.000 \text{ đồng}$.

$50.000.000 \text{ đồng} - 9.750.000 \text{ đồng} = 40.250.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất từ ngày 19/01/2016 đến ngày 05/11/2020 là 57 tháng 16 ngày.

$40.250.000 \text{ đồng} \times 57 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} \times 1,125\% = 26.051.812 \text{ đồng}$

Cộng gốc và lãi sẽ là: 66.301.812 đồng.

Như vậy, ông L và bà K chỉ yêu cầu bà U trả 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông L và K là tự nguyện nên cần đình xét xử.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà U là người cao tuổi nên được Miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Áp dụng các điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự 2005.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K. Buộc bà Bùi Thị U trả cho Trịnh Văn L và bà Huỳnh Thị K số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện là 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà U được Miễn, ông L và bà K được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí là 3.500.000 đồng lai số 0011974 ngày 25/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Tấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Tấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Tấn